

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân hình thức đào tạo chính quy
cho sinh viên Trường Du lịch - Đại học Huế, đợt 1 năm 2025**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế, Nghị quyết số 50/NQ-HĐĐH ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Nghị quyết số 14/NQ-HĐĐH ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học năm 2025 của Trường Du lịch - Đại học Huế;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy, đợt 1 năm 2025 của Trường Du lịch - Đại học Huế;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Du lịch - Đại học Huế, Trường Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân hệ chính quy cho **278 (Hai trăm bảy mươi tám)** sinh viên, đợt 1 năm 2025, trong đó:

1. Khóa 2014 - 2018: 02 sinh viên

- Ngành Quản trị kinh doanh: 01 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 01 sinh viên.

2. Khóa 2016 - 2020: 02 sinh viên

- Ngành Quản trị kinh doanh: 01 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 01 sinh viên.

3. Khóa 2018-2022: 07 sinh viên

- Ngành Quản trị kinh doanh: 01 sinh viên.
- Ngành Du lịch: 01 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 04 sinh viên.
- Ngành Quản trị khách sạn: 01 sinh viên.

4. Khóa 2019 - 2023: 22 sinh viên

- Ngành Quản trị kinh doanh: 01 sinh viên.
- Ngành Du lịch: 09 sinh viên.
- Ngành Du lịch điện tử: 01 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 05 sinh viên.
- Ngành Quản trị khách sạn: 05 sinh viên.
- Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống: 01 sinh viên.

5. Khóa 2020 - 2024: 28 sinh viên

- Ngành Quản trị khách sạn: 08 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 09 sinh viên.
- Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống: 02 sinh viên.
- Ngành Quản trị du lịch và khách sạn: 01 sinh viên.
- Ngành Du lịch: 08 sinh viên.

6. Khóa 2021 - 2025: 217 sinh viên

- Ngành Du lịch: 10 sinh viên.
- Ngành Du lịch điện tử: 05 sinh viên.
- Ngành Quản trị du lịch và khách sạn: 07 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 83 sinh viên.
- Ngành Quản trị kinh doanh: 13 sinh viên.
- Ngành Quản trị khách sạn: 82 sinh viên.
- Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống: 17 sinh viên.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Đại học Huế; Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên; Hiệu trưởng Trường Du lịch - Đại học Huế và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TDL, ĐTCTSV, LTBD.



STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
	Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2014 - 2018							
1	1	14D4021228	Lê Thanh Nhi	16/07/1996	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.42	Trung bình
	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2014 - 2018							
2	1	14D4011163	Hà Phước Lin	30/04/1996	Quảng Nam	Nam	2.11	Trung bình
	Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2016 - 2020							
3	1	16D4021154	Ngô Gia Huy	21/10/1998	Thừa Thiên Huế	Nam	2.67	Khá
	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2016 - 2020							
4	1	16D4011046	Ngô Như Nguyên Hà	18/12/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.92	Khá
	Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2018 - 2022							
5	1	18D4021006	Phạm Nguyên Trâm Anh	20/02/2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.15	Trung bình
	Ngành Du lịch, khóa 2018 - 2022							
6	1	18D4041015	Nguyễn Thị Cung	06/03/2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.74	Khá
	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2018 - 2022							
7	1	18D4011142	Lê Thị Ngọc Hân	20/12/2000	Quảng Nam	Nữ	3.01	Khá
8	2	18D4011222	Trần Huy	24/01/1999	Bình Thuận	Nam	3.03	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
9	3	18D4011375	Ngô Thị Thu	Ngọc	04/08/2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.24	Giỏi
10	4	18D4011665	Ngô Thị Thanh	Tuyền	07/09/2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.34	Giỏi
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2018 - 2022									
11	1	18D4051100	Ngô Văn	Khanh	26/12/2000	Đà Nẵng	Nam	2.74	Khá
Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2019 - 2023									
12	1	19D4021007	Huỳnh Văn Quốc	Bảo	19/06/2001	Thừa Thiên Huế	Nam	2.73	Khá
Ngành Du lịch, khóa 2019 - 2023									
13	1	19D4041025	Ngô Thị Mỹ	Bích	28/04/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.19	Khá
14	2	19D4041056	Lê Thành	Đạt	29/10/2001	Thừa Thiên Huế	Nam	3.15	Khá
15	3	19D4041090	Nguyễn Ngọc	Hân	17/02/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.62	Khá
16	4	19D4041154	Phạm Duy	Huy	15/03/2001	Quảng Nam	Nam	2.78	Khá
17	5	19D4041202	Đỗ Văn	Long	25/06/2001	Đà Nẵng	Nam	2.91	Khá
18	6	19D4041203	Nguyễn Ngô Hoàng	Long	29/10/2001	Thừa Thiên Huế	Nam	3.34	Giỏi
19	7	19D4041241	Trần Bảo	Ngân	10/09/2001	Đà Nẵng	Nữ	3.56	Giỏi
20	8	19D4041305	Nguyễn Quốc	Phú	10/09/2001	Thừa Thiên Huế	Nam	2.70	Khá
21	9	19D4041510	Lê Ngọc	Đô	11/09/2001	Hà Tĩnh	Nam	2.79	Khá
Ngành Du lịch điện tử, khóa 2019 - 2023									
22	1	19D4071044	Võ Quang	Vũ	22/05/2001	Thừa Thiên Huế	Nam	3.23	Giỏi
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2019 - 2023									
23	1	19D4011203	Huỳnh Thị	Huệ	07/08/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.29	Giỏi

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
24	2	19D4011215	Ngô Thúy	Hương	17/02/2001	Hải Phòng	Nữ	3.13	Khá
25	3	19D4011299	Ngô Thị Kim	Loan	02/08/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.83	Khá
26	4	19D4011369	Trịnh Thị Thùy	Nga	25/01/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.93	Khá
27	5	19D4011496	Nguyễn Đình	Quang	21/04/2001	Thừa Thiên Huế	Nam	2.86	Khá
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2019 - 2023									
28	1	19D4051103	Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	06/02/2001	Quảng Bình	Nữ	2.67	Khá
29	2	19D4051422	Nguyễn Thúy	Thanh	29/07/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.87	Khá
30	3	19D4051499	Nguyễn Đình	Toàn	03/05/2001	Quảng Trị	Nam	2.72	Khá
31	4	19D4051548	Trần Thị Phương	Trinh	14/08/2001	Cần Thơ	Nữ	2.63	Khá
32	5	19D4051606	Trần Thị	Thanh	16/06/2001	Quảng Nam	Nữ	3.50	Giỏi
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2019 - 2023									
33	1	19D4061050	Dương Thị	Kiều	05/05/2001	Quảng Nam	Nữ	2.80	Khá
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2020 - 2024									
34	1	20D4050001	Nguyễn Như	Ái	24/09/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.26	Giỏi
35	2	20D4050042	Nguyễn Thị	Duyên	02/01/2002	Quảng Trị	Nữ	2.85	Khá
36	3	20D4050087	Phan Duy	Long	23/03/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	3.02	Khá
37	4	20D4050142	Tôn Nữ Thị Hồng	Phúc	03/08/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.96	Khá
38	5	20D4050156	Nguyễn Hoàng Bảo	Quý	02/01/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.70	Khá
39	6	20D4050224	Nguyễn Duy	Vũ	31/07/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	2.74	Khá
40	7	20D4050279	Lê Văn Quốc	Đạt	09/02/2002	Quảng Bình	Nam	3.12	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
41	8	20D4050629	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/03/2002	Hà Tĩnh	Nữ	3.10	Khá
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2020 - 2024								
42	1	20D4010152	Nguyễn Hằng Nga	24/07/2002	Quảng Bình	Nữ	3.61	Xuất sắc
43	2	20D4010167	Hồ Minh Nguyên	30/07/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	2.97	Khá
44	3	20D4010189	Hồ Thị Ý Nhi	14/10/2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.77	Xuất sắc
45	4	20D4010330	Võ Thị Diễm Quyên	06/11/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.95	Khá
46	5	20D4010601	Lê Thị Mai Linh	21/10/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.31	Giỏi
47	6	20D4010790	Phạm Quốc Phú	14/11/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	2.82	Khá
48	7	20D4010861	Thào A Tàu	01/06/2002	Lai Châu	Nam	2.96	Khá
49	8	20D4010894	Lê Phương Thảo	12/04/2002	Thanh Hóa	Nữ	3.03	Khá
50	9	20D4010961	Hồ Thị Thủy Trâm	11/07/2002	Quảng Nam	Nữ	2.73	Khá
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2020 - 2024								
51	1	20D4060007	Trương Thị Mỹ Dung	30/06/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.01	Khá
52	2	20D4060193	Nguyễn Thị Thanh Thanh	24/09/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.08	Khá
Ngành Quản trị du lịch và khách sạn, khóa 2020 - 2024								
53	1	20D4080017	Trần Thị Như Quý	02/04/2002	Quảng Nam	Nữ	3.64	Xuất sắc
Ngành Du lịch, khóa 2020 - 2024								
54	1	20D4040038	Nguyễn Thị Kim Lan	08/11/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.57	Khá
55	2	20D4040176	Mai Thị Nhật Hà	16/08/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.75	Khá
56	3	20D4040328	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	28/09/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.63	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
57	4	20D4040347	Nguyễn Khánh Phong	15/11/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	2.45	Trung bình
58	5	20D4040407	Trần Vũ Hoàng Thịnh	29/12/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	3.11	Khá
59	6	20D4040414	Nguyễn Thị Minh Thư	11/09/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.79	Khá
60	7	20D4040466	Hồ Thị Uyên	27/02/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.71	Khá
61	8	20D4040469	Nguyễn Thị Danh Uyên	23/02/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.16	Khá
Ngành Du lịch, khóa 2021 - 2025								
62	1	21D4040001	Đoàn Thị Khánh Dương	24/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.30	Giỏi
63	2	21D4040007	Phan Thị Quỳnh Ly	22/10/2003	Gia Lai	Nữ	3.28	Giỏi
64	3	21D4040008	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.17	Khá
65	4	21D4040018	Dương Thị Khánh Trang	19/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.16	Khá
66	5	21D4040038	Nguyễn Nhật Anh	21/09/2003	Tiền Giang	Nam	2.93	Khá
67	6	21D4040123	Hồ Thị Tiểu Linh	08/02/1999	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.73	Xuất sắc
68	7	21D4040152	Đặng Thị Tuyết Ngọc	27/03/2003	Đồng Nai	Nữ	3.76	Xuất sắc
69	8	21D4040179	Ngô Thị Niệm	28/12/2002	Quảng Nam	Nữ	3.25	Giỏi
70	9	21D4040277	Trần Thị Huyền Vy	19/11/2003	Quảng Nam	Nữ	3.42	Giỏi
71	10	21D4040290	Nguyễn Thị Mỹ	01/06/2002	Hà Tĩnh	Nữ	2.95	Khá
Ngành Du lịch điện tử, khóa 2021 - 2025								
72	1	21D4070001	Lê Thị Ánh	05/02/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.37	Giỏi
73	2	21D4070003	Trần Đoàn Quốc Khánh	01/09/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	3.02	Khá
74	3	21D4070004	Phan Thanh Long	15/04/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	3.10	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
75	4	21D4070015	Phan Trần Tiến	Đạt	06/07/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	3.17	Khá
76	5	21D4070027	Nguyễn Duy	Thái	10/04/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.13	Khá
Ngành Quản trị du lịch và khách sạn, khóa 2021 - 2025									
77	1	21D4080001	Lê Thị	Bình	15/11/2003	Quảng Bình	Nữ	3.65	Xuất sắc
78	2	21D4080003	Dương Đình Diễm	Hằng	26/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.66	Xuất sắc
79	3	21D4080004	Hồ Như	Thế	11/06/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	3.38	Giỏi
80	4	21D4080006	Hoàng Nguyễn Bảo	Trân	22/08/2003	Quảng Nam	Nữ	3.36	Giỏi
81	5	21D4080024	Nguyễn Văn Việt	Hoàng	27/06/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.12	Khá
82	6	21D4080034	Võ Thị Kim	Lợi	28/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	3.74	Xuất sắc
83	7	21D4080041	Phan Xuân Hiền	Ngọc	26/09/2003	Quảng Bình	Nữ	3.70	Xuất sắc
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2021 - 2025									
84	1	21D4010001	Tôn Nữ Vân	Anh	22/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.24	Giỏi
85	2	21D4010007	Dương Xuân	Đạt	27/09/2003	Gia Lai	Nam	2.82	Khá
86	3	21D4010009	Nguyễn Thị Thu	Giang	06/05/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.67	Khá
87	4	21D4010020	Võ Lộc Mộng	Liên	02/04/2003	Nghệ An	Nữ	2.95	Khá
88	5	21D4010026	Trần Quang Uyển	My	23/02/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.28	Giỏi
89	6	21D4010030	Trần Hoàng Khánh	Ngọc	09/09/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.98	Khá
90	7	21D4010031	Nguyễn Như	Ngọc	25/02/2003	Quảng Bình	Nữ	3.26	Giỏi
91	8	21D4010037	Phạm Thị Phương	Nhi	20/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.03	Khá
92	9	21D4010040	Tôn Nữ Cảnh Ngọc	Nhi	09/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.02	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
93	10	21D4010041	Lê Thị Cẩm	Nhi	10/05/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.06	Khá
94	11	21D4010045	Nguyễn Văn	Nhớ	07/11/2003	Kiên Giang	Nam	2.96	Khá
95	12	21D4010048	Trần Thị Cẩm	Nhung	06/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.91	Khá
96	13	21D4010054	Lê Công Phúc	Phúc	03/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.86	Xuất sắc
97	14	21D4010055	Đặng Văn	Phúc	29/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.12	Khá
98	15	21D4010057	Võ Thị Mỹ	Phuong	20/01/2003	Quảng Bình	Nữ	3.46	Giỏi
99	16	21D4010060	Huỳnh Thị Đỗ	Quyên	03/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.40	Giỏi
100	17	21D4010062	Trần Xuân	Quỳnh	23/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.56	Giỏi
101	18	21D4010067	Ngô Thị Kim	Thảo	02/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.04	Khá
102	19	21D4010069	Trần Dương Minh	Thư	13/12/2003	Hồ Chí Minh	Nữ	3.13	Khá
103	20	21D4010070	Bùi Thị Ngọc	Thuý	24/04/2003	Quảng Trị	Nữ	3.36	Giỏi
104	21	21D4010073	Trần Nguyễn Khánh	Thy	14/04/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.04	Khá
105	22	21D4010075	Hồ Bích	Trà	26/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.86	Khá
106	23	21D4010078	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/01/2002	Quảng Nam	Nữ	2.83	Khá
107	24	21D4010079	Trương Thị Tú	Trình	26/09/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.43	Giỏi
108	25	21D4010084	Lê Thị Cẩm	Vân	28/07/2003	Quảng Nam	Nữ	3.26	Giỏi
109	26	21D4010085	Phạm Hà	Vy	26/11/2003	Quảng Nam	Nữ	3.29	Giỏi
110	27	21D4010088	Hồ Ngọc Như	Ý	22/05/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.89	Xuất sắc
111	28	21D4010093	H Ly Cìn	Êban	18/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	3.54	Giỏi
112	29	21D4010101	Ngô Hồng Nhật	Khánh	15/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.15	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
113	30	21D4010103	Vũ Thị Ngọc	Mai	05/11/2003	Gia Lai	Nữ	3.53	Giỏi
114	31	21D4010105	Trần Thanh Thảo	Nguyên	16/04/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.87	Khá
115	32	21D4010114	Nguyễn Thị Thúy	Vân	01/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	3.34	Giỏi
116	33	21D4010115	Nguyễn Thị Như	Ý	03/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.00	Khá
117	34	21D4010124	Lương Hoài	Ngọc	30/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	2.89	Khá
118	35	21D4010125	Đặng Ngọc	Phong	29/07/2003	Đà Nẵng	Nam	3.45	Giỏi
119	36	21D4010182	Trần Thị	Danh	22/09/2003	Quảng Bình	Nữ	3.43	Giỏi
120	37	21D4010184	Nguyễn Văn Tấn	Đạt	09/05/2000	Thừa Thiên Huế	Nam	2.93	Khá
121	38	21D4010185	Nguyễn Thành	Đạt	17/04/2003	Quảng Bình	Nam	2.82	Khá
122	39	21D4010188	Lê Thị	Điểm	20/04/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.86	Xuất sắc
123	40	21D4010204	Vương Thị Ngọc	Duyên	25/09/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.98	Khá
124	41	21D4010207	Lê Hoàng Ngân	Giang	30/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.04	Khá
125	42	21D4010209	Phạm Thị	Giang	15/05/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.94	Khá
126	43	21D4010220	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	21/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.75	Xuất sắc
127	44	21D4010233	Trần Nguyễn Thu	Hiền	10/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.44	Giỏi
128	45	21D4010234	Trần Thúy	Hiền	28/06/2003	Nghệ An	Nữ	3.26	Giỏi
129	46	21D4010240	Phan Thị Diệu	Hiền	29/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.78	Khá
130	47	21D4010264	Trương Nguyễn Thị Diễm	Hương	13/04/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.27	Giỏi
131	48	21D4010266	Trần Thị Thanh	Hương	17/11/2003	Quảng Nam	Nữ	3.59	Giỏi
132	49	21D4010275	Đỗ Thị Thanh	Huyền	13/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.01	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
133	50	21D4010286	Lương Võ Trung	Kiên	27/11/2003	Hà Tĩnh	Nam	3.04	Khá
134	51	21D4010288	Nguyễn Tôn Nhị	Kiều	05/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.27	Giỏi
135	52	21D4010311	Phạm Thị Mỹ	Linh	30/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.40	Giỏi
136	53	21D4010336	Hồ Ngọc	Long	07/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.51	Giỏi
137	54	21D4010342	Cao Diệu	Ly	29/08/2003	Nghệ An	Nữ	3.46	Giỏi
138	55	21D4010343	Hồ Thị Cẩm	Ly	22/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.90	Khá
139	56	21D4010366	Lê Thị Kim	Ngân	04/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	3.24	Giỏi
140	57	21D4010371	Trần Thị	Ngân	22/05/2003	Hà Tĩnh	Nữ	3.36	Giỏi
141	58	21D4010382	Lê Thị Bích	Ngọc	04/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.93	Khá
142	59	21D4010401	Nguyễn Văn	Nhân	27/12/2003	Quảng Bình	Nam	3.32	Giỏi
143	60	21D4010410	Ngô Thị Hồng	Nhi	01/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.29	Giỏi
144	61	21D4010413	Võ Thị Yến	Nhi	10/01/2001	Quảng Trị	Nữ	3.52	Giỏi
145	62	21D4010415	Nguyễn Thị Ái	Nhi	06/05/2003	Gia Lai	Nữ	2.97	Khá
146	63	21D4010432	Hồ Thị Ngọc	Như	03/06/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.25	Giỏi
147	64	21D4010449	Đỗ Thị	Oanh	30/10/2003	Thanh Hóa	Nữ	3.27	Giỏi
148	65	21D4010450	Trần Hồng Phượng	Oanh	06/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.09	Khá
149	66	21D4010468	Nguyễn Minh	Quân	28/12/2003	Quảng Bình	Nam	3.25	Giỏi
150	67	21D4010472	Trần Minh	Quý	01/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.73	Khá
151	68	21D4010474	Hoàng Tú	Quyên	26/10/2003	Quảng Bình	Nữ	3.32	Giỏi
152	69	21D4010476	Phạm Thị Như	Quỳnh	18/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.08	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
153	70	21D4010499	Nguyễn Văn	Tân	22/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.89	Khá
154	71	21D4010503	Lê Thị Hòa	Thắm	03/06/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.95	Khá
155	72	21D4010519	Nguyễn Thị Dương	Thảo	07/12/2003	Quảng Bình	Nữ	3.29	Giỏi
156	73	21D4010556	Trần Thị Thanh	Tịnh	02/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	2.81	Khá
157	74	21D4010563	Tôn Nữ Thùy	Trang	15/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.02	Khá
158	75	21D4010564	Trương Thị Huyền	Trang	02/10/2003	Quảng Bình	Nữ	3.83	Xuất sắc
159	76	21D4010595	Trần Thục Nhĩ	Uyên	14/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.25	Giỏi
160	77	21D4010604	Mai Xuân	Vũ	08/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.13	Khá
161	78	21D4010613	Đinh Thị	Xinh	23/11/2003	Quảng Nam	Nữ	3.42	Giỏi
162	79	21D4010620	Lê Thị Lin	Ý	11/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.35	Giỏi
163	80	21D4010626	Nguyễn Song	Yên	23/02/2003	Quảng Nam	Nam	3.26	Giỏi
164	81	21D4010628	Đỗ Viết	Huy	04/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.97	Khá
165	82	21D4010637	Lê Thị Kim	Quỳnh	06/12/2003	Gia Lai	Nữ	3.17	Khá
166	83	21D4010638	Phạm Thị	Thảo	05/07/2003	Quảng Bình	Nữ	2.93	Khá
Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2021 - 2025									
167	1	21D4020014	Hoàng Thị Yến	Nhi	07/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.36	Giỏi
168	2	21D4020023	Nguyễn Thị Minh	Uyên	22/07/2003	Quảng Nam	Nữ	3.68	Xuất sắc
169	3	21D4020038	Lê Thị Quỳnh	Chi	20/12/2003	Quảng Trị	Nữ	3.49	Giỏi
170	4	21D4020043	Phan Nguyễn Hữu	Đạt	04/02/2003	Quảng Trị	Nam	3.39	Giỏi
171	5	21D4020069	Lê Thị Bích	Huệ	12/06/2003	Quảng Trị	Nữ	3.63	Xuất sắc

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
172	6	21D4020091	Trần Thị Diệu	Linh	08/01/2003	Quảng Bình	Nữ	2.85	Khá
173	7	21D4020141	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	08/07/2003	Quảng Trị	Nữ	2.93	Khá
174	8	21D4020144	Đặng Thị Ngọc	Quỳnh	19/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.80	Khá
175	9	21D4020146	Trần Thanh	Sơn	01/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.07	Khá
176	10	21D4020165	Võ Thị	Tĩnh	14/05/2003	Quảng Bình	Nữ	2.89	Khá
177	11	21D4020187	Trần Thị	Vẽ	11/06/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.80	Khá
178	12	21D4020204	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	28/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	3.84	Xuất sắc
179	13	21D4020207	Nguyễn Thị Việt	Quỳnh	26/07/2003	Hà Tĩnh	Nữ	3.67	Xuất sắc
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2021 - 2025									
180	1	21D4050003	Nguyễn Ngọc Huệ	Ánh	23/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.03	Khá
181	2	21D4050004	Nguyễn Thị Kim	Chi	10/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.98	Khá
182	3	21D4050005	Trần Hữu Thành	Công	10/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.11	Khá
183	4	21D4050006	Lương Thị Mỹ	Đào	14/09/2003	Quảng Nam	Nữ	3.28	Giỏi
184	5	21D4050009	Nguyễn Thị Trà	Giang	13/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.57	Giỏi
185	6	21D4050010	Trần Hương	Giang	11/11/2003	Quảng Bình	Nữ	3.41	Giỏi
186	7	21D4050011	Trần Thị Thu	Hiền	26/10/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.48	Giỏi
187	8	21D4050012	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	19/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.77	Khá
188	9	21D4050014	Trần Thị	Hồng	20/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.89	Khá
189	10	21D4050017	Đỗ Thị Thanh	Huyền	22/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.87	Khá
190	11	21D4050020	Lê Thị Hiếu	Lam	22/08/2003	Quảng Trị	Nữ	2.92	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
191	12	21D4050023	Nguyễn Thị Minh Lệ	09/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.38	Giỏi
192	13	21D4050024	Châu Thị Yến Lệ	22/03/2003	Thanh Hóa	Nữ	3.14	Khá
193	14	21D4050025	Phan Thị Liên	01/05/2003	Nghệ An	Nữ	2.90	Khá
194	15	21D4050030	Võ Thị Diệu Ly	06/11/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.45	Giỏi
195	16	21D4050035	Nguyễn Văn Minh Nhật	10/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.09	Khá
196	17	21D4050036	Bùi Thị Yến Nhi	06/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	3.32	Giỏi
197	18	21D4050038	La Thị Quỳnh Như	04/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.16	Khá
198	19	21D4050041	Đoàn Thị Oanh	18/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.10	Khá
199	20	21D4050047	Hà Thị Diễm Quỳnh	28/09/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.51	Giỏi
200	21	21D4050048	Nguyễn Thị Như Quỳnh	14/02/2003	Quảng Bình	Nữ	3.53	Giỏi
201	22	21D4050049	Nguyễn Nữ Như Quỳnh	26/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.00	Khá
202	23	21D4050051	Lê Anh Thái	25/05/2003	Cao Bằng	Nam	2.86	Khá
203	24	21D4050052	Nguyễn Thị Hồng Thắm	07/05/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.03	Khá
204	25	21D4050055	Hoàng Thị Ngọc Thanh	12/02/2001	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.20	Giỏi
205	26	21D4050056	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.60	Xuất sắc
206	27	21D4050061	Phan Văn Tính	20/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.50	Giỏi
207	28	21D4050062	Lê Ngọc Thanh Toàn	12/09/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.78	Xuất sắc
208	29	21D4050063	Hồ Thị Thuý Trâm	29/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.49	Giỏi
209	30	21D4050068	Trần Thị Tố Uyên	27/05/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.13	Khá
210	31	21D4050070	Mai Nhật Vy	09/05/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.33	Giỏi

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
211	32	21D4050071	Phạm Thị Tường Vy	20/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	3.72	Xuất sắc
212	33	21D4050072	Tôn Thị Như Ý	11/06/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.25	Giỏi
213	34	21D4050073	Hoàng Thị Diệu	06/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.83	Khá
214	35	21D4050078	Nguyễn Thị Đoá	02/04/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.42	Giỏi
215	36	21D4050080	Hoàng Thị Ngọc Giàu	20/02/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.48	Giỏi
216	37	21D4050081	Phan Thị Khánh Hà	17/06/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.03	Khá
217	38	21D4050086	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	13/11/2003	Quảng Trị	Nữ	3.43	Giỏi
218	39	21D4050090	Lê Trà Quỳnh Như	17/03/2003	Quảng Nam	Nữ	3.12	Khá
219	40	21D4050099	Nguyễn Hoài Bảo Trâm	01/05/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.91	Khá
220	41	21D4050100	Đào Thị Quỳnh Trân	26/02/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.35	Giỏi
221	42	21D4050109	Nguyễn Minh Thư	02/06/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.33	Giỏi
222	43	21D4050111	Võ Thị Ái Linh	29/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.17	Khá
223	44	21D4050119	Nguyễn Phương Anh	13/04/2003	Quảng Trị	Nữ	2.68	Khá
224	45	21D4050120	Đặng Nữ Minh Anh	27/08/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.00	Khá
225	46	21D4050159	Nguyễn Thị Ngọc Dung	01/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	2.90	Khá
226	47	21D4050176	Hồ Thị Hương Giang	28/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	2.85	Khá
227	48	21D4050191	Nguyễn Văn Hậu	09/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.06	Khá
228	49	21D4050205	Nguyễn Thị Hồng	06/03/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.03	Khá
229	50	21D4050211	Nguyễn Hữu Quốc Hùng	02/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.99	Khá
230	51	21D4050214	Lê Thị Diệu Hương	07/06/2003	Quảng Trị	Nữ	3.00	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
231	52	21D4050217	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.68	Khá
232	53	21D4050273	Lê Thị Thanh	Minh	18/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.61	Khá
233	54	21D4050274	Hồ Thị	Mộng	06/02/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.88	Xuất sắc
234	55	21D4050285	Lê Thị Khánh	Ngân	07/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.17	Khá
235	56	21D4050288	Lê Thị Kim	Ngân	05/10/2003	Quảng Trị	Nữ	3.17	Khá
236	57	21D4050292	Hoàng Thị Như	Ngọc	19/11/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.11	Khá
237	58	21D4050319	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.09	Khá
238	59	21D4050320	Trương Thị Quỳnh	Như	21/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.03	Khá
239	60	21D4050321	Trần Thị Anh	Như	04/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.91	Khá
240	61	21D4050325	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	08/10/2003	Quảng Bình	Nữ	3.74	Xuất sắc
241	62	21D4050331	Lê Thị Hồng	Nhung	06/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.06	Khá
242	63	21D4050339	La Thị Kiều	Oanh	07/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.21	Giỏi
243	64	21D4050342	Phạm Gia	Phong	20/02/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.74	Khá
244	65	21D4050358	Kiều Minh	Quân	19/08/2003	Quảng Nam	Nam	3.11	Khá
245	66	21D4050371	Cao Thị Diễm	Quỳnh	24/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.53	Khá
246	67	21D4050373	Hoàng Thị Như	Quỳnh	28/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.90	Khá
247	68	21D4050381	Huỳnh Thị	Roi	02/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.83	Xuất sắc
248	69	21D4050394	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	21/06/2003	Quảng Nam	Nữ	3.63	Xuất sắc
249	70	21D4050400	Phan Thị Thanh	Thanh	25/02/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.56	Giỏi
250	71	21D4050405	Hồ Thị Phương	Thảo	18/11/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.50	Giỏi

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
251	72	21D4050426	Đinh Thị Hoài	Thương	08/04/2003	Quảng Nam	Nữ	2.96	Khá
252	73	21D4050465	Đặng Thị Huyền	Trang	22/08/2003	Quảng Bình	Nữ	2.84	Khá
253	74	21D4050470	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	06/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	3.05	Khá
254	75	21D4050482	Hàng Minh	Tuệ	13/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.10	Khá
255	76	21D4050485	Lê Thị Ánh	Tuyết	03/11/2003	Quảng Trị	Nữ	2.95	Khá
256	77	21D4050495	Trần Thị	Vê	04/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.89	Khá
257	78	21D4050497	Nguyễn Ngọc	Việt	08/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.93	Khá
258	79	21D4050512	Mai Thị Như	Ý	11/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.18	Khá
259	80	21D4050522	Phan Thị Quỳnh	Hương	28/09/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.87	Khá
260	81	21D4050524	Lê Thị Phương	Nhi	10/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.98	Khá
261	82	21D4050525	Cao Thị	Thùy	29/04/2003	Quảng Nam	Nữ	3.15	Khá
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2021 - 2025									
262	1	21D4060007	Hoàng Thảo	Chi	28/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.09	Khá
263	2	21D4060022	Phạm Thị Ý	Nhi	05/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.92	Khá
264	3	21D4060023	Nguyễn Phan Uyên	Nhi	14/09/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.09	Khá
265	4	21D4060024	Lê Thị Xuân	Nhi	17/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.08	Khá
266	5	21D4060026	Hà Thị Thuý	Nhung	06/04/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.16	Khá
267	6	21D4060028	Trần Thanh	Quyên	13/11/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.90	Khá
268	7	21D4060029	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.61	Xuất sắc
269	8	21D4060032	Nguyễn Thị	Sương	20/01/2003	Quảng Trị	Nữ	3.43	Giỏi

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TB	Xếp loại
270	9	21D4060036	Phạm Văn Thượng	05/12/2003	Nghệ An	Nam	3.47	Giỏi
271	10	21D4060037	Nguyễn Thị Khánh Tiên	27/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	2.85	Khá
272	11	21D4060039	Nguyễn Thị Tường Vi	21/07/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.48	Giỏi
273	12	21D4060045	Trần Phạm Hà My	03/03/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	3.18	Khá
274	13	21D4060048	Lê Hữu Tình	15/01/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.98	Khá
275	14	21D4060131	Nguyễn Thúc Nam	11/02/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.36	Giỏi
276	15	21D4060151	Hoàng Quốc Phú	26/12/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	3.26	Giỏi
277	16	21D4060210	Nguyễn Long Vũ	01/10/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	2.96	Khá
278	17	21D4060214	Trần Hoài Bảo Yến	01/02/2003	Kon Tum	Nữ	2.88	Khá

Danh sách này gồm có 278 sinh viên./.